

CÁCH NÓI VỀ HOA TRONG MỘT BÀI ĐỒNG DAO

LÊ THỊ THUẬN
(Giáo viên, Hà Giang)

1. Đồng dao là những lời mộc mạc, hồn nhiên, có vần điệu, được trẻ em truyền miệng cho nhau hoặc hát đồng thanh trong lúc vui chơi hoặc tiến hành các trò chơi dân gian. Vì đây là những sáng tác của trẻ em hoặc cho trẻ em, nên đặc điểm nổi bật về mặt ngôn ngữ của đồng dao là: giản dị, mộc mạc, vui tươi và phần lớn nói đến các sự vật hiện tượng cụ thể với những liên tưởng hồn nhiên, ngộ nghĩnh, bất ngờ.

Một trong những chức năng cơ bản của đồng dao là chức năng thẩm mỹ và giáo dục nhận thức. Có thể coi đồng dao là những bài học về thế giới quan và nhân sinh quan đầu tiên của trẻ nhỏ.

Bài viết này nhằm khảo sát đặc điểm cách nói về hoa khá độc đáo trong một bài đồng dao của người Việt. Đó là bài đồng dao số 188 (kí hiệu là A188) trong phần "Đồng dao trẻ em hát", là một trong số 394 bài được sưu tập trong cuốn **Đồng dao Việt Nam** (Nguyễn Nghĩa Dân, Nxb Văn học, 2008, tr 203 - 205). Toàn văn bài đồng dao đó như sau:

*Nghe vẽ nghe ve / Nghe về các hoa /
Tháng ba nắng lắm / Nước biển mặn mòi /
Vác mai đi xoi / Là hoa bông giếng / Hay
bay hay liệng / Là hoa chim chim / Xuống
nước mà chìm / Là hoa bông đá / Làm bạn
cùng cá / Là hoa san hô / Hỡi Hán sang Hồ /
Là hoa nàng sứ / Gìn lòng nắm giữ / Là hoa
từ bi / Ẩn ở theo thì / Là hoa bản ngọt /
Thương ai chua xót / Là hoa sấu dâu / Có
sông không cầu / Là hoa nàng cách / Đi mà
đụng vách / Là hoa mù u / Cạo đầu đi tu / Là*

*hoa bông bọt / Khói lên nghi ngút / Là hoa
hoắc hương / Nước chảy dầm đường / Là
hoa mười tươi / Rủ nhau đi cưới / Là hoa
bông dâu / Nước chảy rạch sâu / Là hoa
muống biển / Rủ nhau đi kiện / Là hoa mít
nài / Gái mà theo trai / Là hoa phát nhũ /
Đêm nằm không ngủ / Là hoa nở ngày / Bán
chẳng lia cây / Là hoa bông cúc / Nhập
giang tùy khúc / Là hoa bông chầu / Ở mà lo
nghèo / Là hoa đu đủ / Đi theo cậu thủ / Là
hoa mần quân / Đánh bạc cổ quần / Là bông
hoa ngô / Ngồi mà choán chỗ / Là hoa dành
dành / Giận chẳng đua tranh / Là bông hoa
ngãi / Bắt đi tha lại / Là hoa phù dung / Ẩn ở
theo đường / Là bông hoa thị / Theo mẹ bán
bí / Là hoa thanh tao.*

2. Đặc điểm cách nói về hoa trong bài đồng dao

2.1. Khái quát về kết cấu của bài đồng dao và cách nói về hoa

Bài đồng dao đang xét có tất cả 60 câu, mỗi câu có 4 tiếng, và như vậy gồm 240 tiếng. Trừ hai câu đầu mang tính mở đầu chỉ báo (*Nghe vẽ nghe ve/ Nghe về các hoa...*) và lời giới thiệu tiếp theo trước khi nói đến tên hoa gồm 3 câu (*Tháng ba nắng lắm/ Nước biển mặn mòi/ Vác mai đi xoi...*), các trường hợp còn lại đều gồm hai phần: giới thiệu về hoa (1 câu); gọi tên hoa (1 câu). Phần gọi tên hoa luôn mở đầu bằng là (*Là hoa bông giếng; Là hoa bông dâu...*). Nhìn chung, cả bài có kết cấu "xâu chuỗi": vần của tiếng cuối trong phần gọi tên hoa ở câu trên hiệp vần với vần của tiếng cuối câu giới thiệu về hoa ở câu tiếp theo. Thể thơ 4 tiếng

và cách “xâu chuỗi” này tạo nên âm hưởng vui vẻ rộn ràng, nôm na ngộ nghĩnh, khi đọc hoặc hát bài ca lên thành lời... Đó là cách thể hiện rất gần với khẩu ngữ tự nhiên, gần gũi với đời sống, với sinh hoạt hằng ngày và cách “bi bô tập nói” của trẻ em, đồng thời dễ thuộc dễ nhớ, phù hợp với tâm lí trực quan sinh động của tuổi thơ.

Bài đồng dao giới thiệu 28 loài hoa (cùng với 28 cách gọi về hoa và 28 đặc tính khác nhau của chúng) trong muôn vàn các loài hoa của xứ sở nhiệt đới. Các loài hoa được nói đến trong bài (theo thứ tự các loài hoa được liệt kê trong bài đồng dao) như sau:

STT	Loài hoa	Đặc tính được nói đến	Cách gọi hoa
1	giếng	vác mai đi xoi	hoa bông giếng
2	chim chim	hay bay hay liệng	hoa chim chim
3	đá	xuống nước mà chìm	hoa bông đá
4	san hô	bầu bạn cùng cá	hoa san hô
5	sứ	hỏi Hán sang Hồ	hoa nàng sứ
6	từ bi	gìn lòng năm giữ	hoa từ bi
7	bần ngọt	ăn ở theo thì	hoa bần ngọt
8	sầu đâu	thương ai chua xót	hoa sầu đâu
9	cách	có sông không cầu	hoa nàng cách
10	mù u	đi mà đụng vách	hoa mù u
11	bụt	cạo đầu đi tu	hoa bông bọt
12	hoắc hương	khói lên nghi ngút	hoa hoắc hương
13	mười tưới	nước chảy dầm đường	hoa mười tưới
14	dâu	rủ nhau đi cười	hoa bông dâu
15	muống biển	nước chảy rạch sâu	hoa muống biển
16	mít nài	rủ nhau đi kiện	hoa mít nài
17	phát nhũ	gái mà theo trai	hoa phát nhũ
18	nở ngày	đêm nằm không ngủ	hoa nở ngày
19	cúc	bán chẳng lia cây	hoa bông cúc
20	chìu	nhập giang tùy khúc	hoa bông chìu
21	đu đủ	ở mà lo nghèo	hoa đu đủ
22	mân quân	đi theo cậu thủ	hoa mân quân
23	ngổ	đánh bạc cổ quần	hoa bông ngổ
24	dành dành	ngồi mà choán chỗ	hoa dành dành
25	ngãi	giận chẳng đua tranh	bông hoa ngãi
26	phù dung	bắt đi tha lại	hoa phù dung
27	thị	ăn ở theo đường	bông hoa thị
28	thanh tao	theo mẹ bán bí	hoa thanh tao

2.2. Đặc điểm hình thức của các từ ngữ dùng để gọi các loài hoa

Trong bài đồng dao, 28 từ ngữ chỉ hoa đều ở dạng cấu tạo gồm 3 tiếng, cấu trúc ở dạng cụm từ (còn gọi là “đoạn ngữ”), không có dạng từ. Trong đó:

- Cấu trúc cụm từ gồm hoa + tên loài có 19 cụm, ví dụ: hoa mù u; hoa hoắc hương; hoa mít nài; hoa mười tưới; hoa sầu đâu ...

- Cấu trúc cụm từ gồm “hoa bông + tên loài có 7 cụm, ví dụ: hoa bông dâu; hoa bông cúc...

- Cấu trúc cụm từ gồm *bông hoa* + *tên loài* có 2 cụm, ví dụ: *bông hoa thị*; *bông hoa ngải*.

Cấu trúc cụm từ dạng *hoa* + *tên loài* ... là dạng phổ biến nhất trong bài đồng dao trên. Bởi đây là cách định danh quen thuộc, thuận miệng và đặc trưng nhất trong tiếng Việt. Hầu hết từ ngữ chỉ hoa trong đồng dao cũng đều ở dạng này. Các cụm từ thuộc loại còn lại mang hơi hướng của cách nói Nam Bộ, đặc biệt cách gọi *hoa bông*. Loại cụm từ *hoa bông* + *tên loài*... này đứng thứ hai trong tần số xuất hiện. Đây không phải là cách gọi quen thuộc trong tiếng Việt mà do tên hoa đứng sau nó quy định: Để tạo vần nhịp thống nhất cho bài đồng dao, với các loài hoa mà tên gọi chỉ có một âm tiết thì tác giả dân gian chọn cách nói như vậy dù có sự trùng lặp, vì ai cũng biết rằng *bông* cũng chính là *hoa*.

Cấu trúc *bông hoa* + *tên loài*...vẫn rất quen thuộc trong nhóm từ ngữ chỉ hoa trong tiếng Việt, cũng như cách nói *bông hoa* - gồm 1 yếu tố chỉ loại (còn được gọi là “loại từ”) và 1 yếu tố chỉ sự vật “hoa”. Có thể giống như trường hợp *hoa bông* ở trên, một số tên các loài hoa được chọn để giới thiệu trong bài đồng dao này chỉ gồm 1 tiếng, nên các tác giả dân gian phải cấu trúc dạng này.

2.3. Mối quan hệ giữa tên hoa và đặc tính được nói đến

Điều đặc biệt trong việc lựa chọn các loài hoa để giới thiệu trong bài đồng dao này là:

Xét về phương diện ngữ nghĩa, hầu hết các tên hoa được giới thiệu trong bài đồng dao đều chứa đựng hơn một nghĩa, hoặc gọi nên một nghĩa gì đó khác.

Các loài hoa được giới thiệu không phải là loài bất kỳ như hoa sen, hoa hồng, hoa mười giờ, hoa súng..., mặc dù là chúng có thể giống nhau ở chỗ thường gặp trong đời sống và rất quen thuộc (có vẻ trong bài là các loài hoa thường gặp ở miền Nam). Bởi vì, tiêu chí chọn lựa để giới thiệu ở đây không phải là chuyện hoa gì mà là ở ý nghĩa

và âm hưởng (khi đọc lên) của mỗi tên hoa: từ ngữ dùng để gọi tên loài hoa ấy có điều gì đó thú vị, và nói về điều thú vị này được xem như một mục đích quan trọng số một. Điều này được thể hiện rõ trong cách nêu đặc tính và gọi tên 28 loài hoa trong bài. Bài đồng dao không dừng lại ở mục đích giới thiệu các loài hoa mà còn gửi gắm những lời nhắc nhở, những bài học làm người. Tức là nói về hoa mà không phải hoàn toàn là chuyện về hoa.

Có hai cách giới thiệu tên hoa trong bài đồng dao này. Đó là:

- Giới thiệu tên hoa cùng với đặc tính, trạng thái có thực của loài hoa đang nói đến. Cách giới thiệu này có hai trường hợp: *Làm bạn cùng cá / Là hoa san hô; Ấn ở theo thì / Là hoa bản ngọt*.

- Giới thiệu đặc tính, trạng thái, phẩm chất không phải vốn là của hoa, mà vốn là của người hoặc của các sự vật khác. Thực chất cách nói này là xuất phát từ những tên hoa hoặc nhân nói đến các loài hoa mà nói đến những chuyện khác, các sự vật hiện tượng khác. Đại khái là: các từ ngữ chỉ tên hoa đều được liên hệ với sự vật, hiện tượng được gọi bằng từ ngữ đồng âm với chúng. Điều được liên hệ đến này được biến thành lời giới thiệu ngộ nghĩnh và đặt vào một cấu trúc ngữ pháp thống nhất: “*Hỏi Hán sáng Hồ / Là hoa nàng sứ / Gìn lòng năm giữ / Là hoa từ bi / ... Thương ai chua xót / Là hoa sâu đâu / Có sông không cầu / Là hoa nàng cách (cách trở)*”. Cấu trúc này có dáng vẻ rất gần với câu đố thường gặp trong đồng dao, với câu hỏi *Như thế như thế, thì là cái gì(?)*. Chỉ khác là, ở đây, thay cho những câu hỏi là những câu trả lời bằng cách gọi ra tên các loài hoa.

Sau đây xin được phân tích một vài trường hợp cụ thể để thấy rõ về cách nói độc đáo vừa chỉ ra:

Đặc tính “từ bi”, “thương người” là của con người chứ không liên quan gì đến thực vật (hoa). Hay “xuống nước mà chìm” là đặc

điểm của đá, “hay bay hay liệng” là đặc điểm của loài chim, đều không liên quan đến đặc điểm của các loài hoa. Tuy nhiên, các đặc tính này lại được đem ra khi nói đến hoa và gán cho hoa.

Trong bài đồng dao, để tạo nên sự thú vị trong cách giới thiệu tên hoa và các sự vật hiện tượng có tên gọi đồng âm với tên hoa, tác giả đã sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật độc đáo như liên tưởng, nhân hóa, chơi chữ, vật hóa... Với những cách này, trẻ em có thể được kích thích trí tưởng tượng, tha hồ có những cách liên hệ kì lạ, liên tưởng xa hơn nữa (đôi khi vô lí). Nghĩa là, bài ca không chỉ cung cấp cho trẻ em tên một loài hoa mà còn cung cấp thêm một ý niệm mới về một chuyện gì đó trong đời sống.

Chẳng hạn, đó là câu *Hỏi Hán sang Hồ / Là hoa nàng sứ*. Hoa sứ là gì và có hình dáng, màu sắc, hương thơm như thế nào thì dễ nhận biết rồi. Nhưng ở đây, câu ca lại đề cập đến một ý niệm mới mà cần giải thích trẻ em mới hiểu. Tất nhiên, rồi trẻ em sẽ hỏi và người lớn sẽ phải trả lời về chuyện “đi sứ” là như thế nào, nhân nói đến *sứ* trong *hoa sứ*. Trẻ em lại kể chuyện đó đến trẻ em, và mỗi khi nhìn thấy hoa sứ là chúng lại nhớ đến “bài học” về chuyện đi sứ. Có thể coi đó là cách học nhanh nhất, hiệu quả nhất. Kết quả là trẻ em không chỉ biết thêm một tên hoa với đặc tính nào đó của nó, mà còn biết thêm hoặc suy nghĩ thêm về một cái gì đó khác, tức là nói về hoa mà không chỉ là về hoa.

Thông thường là giới thiệu đặc điểm của hoa rồi giới thiệu tên hoa. Nhưng cách giới thiệu tên các loài hoa trong bài đồng dao này lại không theo logic đó. Có rất ít câu gọi tên hoa theo xuất phát từ một đặc điểm nào đó của chính loài hoa rồi gọi ra tên hoa. Kể cả với câu *Bầu bạn cùng cá / Là đá san hô*, ai cũng hiểu là san hô sống dưới nước và đó có thể coi là đặc tính của san hô, nhưng “bầu bạn cùng cá” thì không phải ai cũng nghĩ đến và cho đó là đặc tính đáng chú ý của nó.

Có một điểm nổi bật là những cách liên tưởng ấy đều khiến cho các loài hoa trở nên có cá tính, thật sinh động, gần gũi với trẻ em. Hầu hết mỗi tên hoa đều gợi lên sự gần gũi, hòa đồng, dù đó là loài hoa quen hay lạ:

Đi mà đụng vách / Là hoa mù u / Cạo đầu đi tu / Là hoa bông bụt

Rủ nhau đi cưới / Là hoa bông dâu

Rủ nhau đi kiện / Là hoa mít nài...

Đó là cách tư duy dẫn dắt rất phù hợp với trẻ em. Từ cái u ở trên đầu (do “đụng vách”) mà gọi được ra tên một loài hoa. Và cả chuyện cưới xin, kiện cáo... Quả thật là những bài học trong đồng dao đã căn cứ vào các sự việc rất bình dị của đời sống và được thể hiện qua những lời lẽ vô cùng hóm hỉnh, dễ thương. Và tất cả tạo nên sự ham thích và dễ đọc, dễ nhớ.

Ở trường hợp khác, các loài hoa đã được nhân hóa, rất ngộ nghĩnh, đáng yêu và vô cùng sinh động. *Thương ai chua xót / Là hoa sầu đâu/... / Đi theo cậu thủ / Là hoa mần quân /Đánh bạc cổ quần / Là bông hoa ngổ / Ngồi mà choán chỗ / Là hoa dành dành...*

Đến chuyện đánh bạc cũng được liên tưởng với loài hoa có tên là *ngổ* (có sự đồng âm ở tiếng *ngổ* trong từ *ngổ ngược*). Từ những tên *hoa ngổ*, *hoa dành dành* này mà người nói người nghe liên tưởng đến tính cách con người. Ở đây, đó là những tính xấu cần phê phán: là sự ngổ ngược như kẻ đánh bạc hết tiền mang quần ra mà cầm cổ để có tiền chơi tiếp; là sự giành giật không biết nhường nhịn người khác (ngồi choán chỗ)...

Một thủ pháp nữa cũng được sử dụng trong cách nói của bài đồng dao về hoa trên là nghệ thuật chơi chữ: Các yếu tố đồng âm đã được sử dụng rất hiệu quả: *hoa mần quân* – *quân* lính; *hoa ngổ* – *ngổ* nghịch; *hoa dành dành* – *giành* giật; *ngãi* – *nghĩa*; *phủ dung* – *thuốc* phiện; *hoa thị* – *phổ thị*... Đó là sự khôn khéo của các tác giả trong sử dụng ngôn từ: “*hoa mần quân*” (tức là làm quân) được nhắc đến khi nói đến chuyện “*đi theo cậu thủ*” (người đứng đầu trong đội quân)

cũng có nghĩa là làm quân trong đội quân đó; *thị* là chợ - ăn ở theo đường, được nhắc đến khi nói tới hoa thị...

Điều đặc biệt là các lời đồng dao trong bài đồng dao trên không chỉ được liên kết theo logic thuần túy ngữ nghĩa, mà phần lớn các lời đồng dao được tạo nên bởi sự liên tưởng tới các sự vật có tên gọi đồng âm. Vì vậy, đến với bài đồng dao không chỉ biết tên hoa, trẻ em này còn lĩnh hội được nhiều từ ngữ đặc biệt của tiếng mẹ đẻ.

Đọc bài đồng dao về các loài hoa này không chỉ nhận thấy sự phong phú đa dạng của thiên nhiên với bốn mùa hoa lá. Chọn giới thiệu các loài hoa có tên gọi gợi nhiều ý nghĩa để nói về cuộc sống, về xã hội là mục đích của bài đồng dao về 28 loài hoa này. Đằng sau sự cụ thể của các tên hoa là những ý tưởng trừu tượng về những chuyện của cuộc sống, và có thể đó mới là cái đích cần bản trong bài đồng dao này.

Ngâm ắp chứa sau mỗi tên hoa là những khái niệm về tốt xấu, đúng sai trong cuộc sống. Cái xấu như “đánh bạc cổ quần”, “ngồi mà choán chỗ”, nghiện ngập phải “bắt đi tha lại...”. Cái tốt được nhắc nhở như lời răn dạy hướng thiện (*Gìn lòng nắm giữ/ Là hoa từ bi*), dạy nhân hậu (*Thương ai chưa xót / Là hoa sâu dẫu*), dạy ăn ở chẳng nên đua tranh (*Giận chẳng đua tranh/ Là hoa bông ngãi*)...

3. Có thể thấy, tìm hiểu hệ thống từ ngữ về động vật, thực vật nói chung trong đồng dao là công việc cần thiết và thú vị, vì mỗi mảng từ ngữ đều chứa đựng không ít ẩn ý và dụng ý qua những chuyện được nói đến tưởng như rất bình thường. Có thể tìm hiểu một mảng từ ngữ chỉ động vật, thực vật trong đồng dao để thấy vai trò của đồng dao đối với sự phát triển ngôn ngữ và nhận thức cho trẻ. Qua việc tìm hiểu cách nói về các loài hoa chỉ một trong rất nhiều bài đồng dao nói đến hoa lá cây cối, có thể nhận xét như sau:

Thứ nhất, bài đồng dao cho thấy những cảnh sắc và đặc tính đa dạng của thiên nhiên ở nông thôn Việt Nam. Điều kiện khí hậu nhiệt đới đã làm cho cây cỏ nước ta tươi đẹp muôn sắc màu, và trong đó có hoa - một sự vật thường được xem là biểu tượng của cái đẹp. Từ sự quan sát tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng, các loài hoa có vẻ như vô tri vô giác ấy bỗng nhiên thành ra có linh hồn, là anh em, bè bạn với các em nhỏ, cùng hát cùng vui với các em. Đó là cách nhìn về thiên nhiên đượm tính nhân văn trong những lời hát đồng dao, được các tác giả dân gian mang đến cho các em.

Thứ hai, bài đồng dao cho thấy sự tường tượng sâu sắc, những nhận xét hóm hỉnh của các nghệ nhân dân gian. Bài đồng dao giúp người đọc người nghe biết được tên các loài hoa, nhưng không chỉ thế, còn biết cả một số đặc tính cơ bản của chúng, và cả những gì do chúng gợi ra nữa.

Cách định danh (gọi tên) các loài hoa trong tiếng Việt cũng thể hiện rõ đặc điểm tư duy và phần nào tính cách của người Việt. Đó là sự kết hợp giữa tư duy cụ thể và sự liên tưởng bay bổng, giàu chất thơ, của những người dân lao động. Đôi khi trong cách nói về hoa, còn chứa đựng cả sự thâm thúy, hàm ẩn nhiều tầng nghĩa của ngôn từ. Xuất phát từ những cơ sở để gọi tên đa dạng, như: hình thức, màu sắc, hương vị, với sự liên tưởng, các tên này đã được giới thiệu như chúng có những đặc tính, các mối quan hệ thường gặp, rất gần với con người và lẽ đời. Những khái niệm trừu tượng rất cần biết đối với trẻ em như thế được thể hiện qua những lời đồng dao trong lúc vui chơi, trở nên có ấn tượng sâu sắc, sẽ được nhớ lâu hơn những lời răn dạy. Đúng là: “Học mà chơi, và chơi là để học”.

Thứ ba, qua một bài đồng dao, ta không thể không thán phục cách sử dụng ngôn từ khéo léo ý vị của người Việt và sự phong phú đa dạng của tiếng Việt. Cả một góc của

thế giới tự nhiên nhiều màu sắc, đa dạng đã xuất hiện trong đồng dao, qua cách kể về hoa. Nếu ai đó được sống trọn tuổi thơ trong những khúc đồng dao, ắt hẳn sẽ không chỉ có một vốn kiến thức vô cùng phong phú và chính xác về cuộc sống và thiên nhiên Việt Nam, mà còn biết cách sử dụng tiếng Việt một cách khéo léo, giản dị mà uyển chuyển, nôm na mà đầy ẩn ý.

Khúc đồng dao về hoa trên vừa là bài hát vui, vừa giúp trẻ biết thêm 28 tên hoa trong muôn vàn loài hoa của xứ sở nhiệt đới, lại vừa là trò chơi thú vị kích thích trí tuệ, phát triển tư duy logic, khả năng liên tưởng. Hơn thế nữa, giống như các thể loại văn học khác, ẩn sau một số lời đồng dao còn là những bài học về thế giới quanh ta và cách làm người, dù còn thô sơ, đơn giản nhưng rất có ý nghĩa đối với trẻ em. Thiết nghĩ, những bài học dưới cái vỏ ngôn từ dân gian và kết cấu của một bài đồng dao này không thể bỏ qua trong giáo dục ở nhà trường hiện nay, và không chỉ ở các lớp Mẫu giáo.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Huy Cận (2001), *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Mai Ngọc Chừ (cb) (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Nghĩa Dân (2008), *Đồng dao Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Chu Xuân Diên (2001), *Văn hóa dân gian - mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Triều Nguyên (2010), *Tìm hiểu về đồng dao người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hoàng Phê (Chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
7. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài 08-08-2011)

(CÁC LỚP LOẠI ...tiếp theo trang 14)

Điều đó phản ánh cách tri nhận, phân cắt hiện thực không giống nhau của người làm nghề nông giữa các địa phương. Sự phân tán trong cách định danh của các lớp loại từ nghề nông Nghệ Tĩnh như vậy cũng phần nào phản ánh bức tranh xã hội, trình độ canh tác, tính chất sản xuất tự phát, lạc hậu của nghề nông nơi đây. Đó là các lí do cho thấy số lượng từ nghề nông nghệ Tĩnh vì thế mà phong phú.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Trọng Canh (2004), *Từ nghề nghiệp trong phương ngữ Nghệ Tĩnh (Bước đầu khảo sát các lớp từ nghề cá, nước mắm, muối)*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Mã số B 2003 - 42 - 48.
2. Hoàng Trọng Canh (2008), *Từ ngữ gọi tên các nông cụ trong tiếng Nghệ Tĩnh*, Ngôn ngữ & đời sống, số 5, tr. 6 - 10.
3. Hoàng Trọng Canh (2009), *Câu chuyện về cách gọi tên "cá" trong phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Ngữ học toàn quốc 2009, Hội NNH VN - UBND TP Cần Thơ, Hà Nội, tr. 704 - 709.
4. Đỗ Hữu Châu (tái bản lần 2 - 1997), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB ĐHQG HN.
5. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (tái bản lần 3 - 2000), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB GD.
6. Nguyễn Thiện Giáp (tái bản lần 1-1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB GD.
7. Nguyễn Văn Khang (1989), *Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản*, NXB KHXH.
8. Bùi Thị Lệ Thu (2005), *Tên gọi các công cụ sản xuất nông nghiệp qua các thổ ngữ thuộc phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Luận văn thạc sĩ ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
9. Nguyễn Văn Tu (1976), *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, NXB ĐH & THCN.
10. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Hà Quang Năng, Đỗ Việt Hùng, Đặng Ngọc Lê (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB GD.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 19-08-2011)